

UBND PHƯỜNG BỒ ĐỀ
TRƯỜNG THCS ÁI MỘ



**NỘI DUNG
ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2025-2026
KHỐI 9**

Hà Nội, năm 2025

MỤC LỤC

STT	Môn	Trang
1	Công nghệ	2
2	Khoa học tự nhiên	3
3	Địa lý	4
4	Lịch sử	5
5	Tin học	6
6	GDCD	10
7	Mỹ thuật	12
8	Âm nhạc	12
9	Thể dục	12
10	Ngữ văn	12
11	Tiếng Anh	13
12	Toán	18
13	HĐTNHN	22
14	Giáo dục địa phương	23

UBND PHƯỜNG BỒ ĐỀ
TRƯỜNG THCS ÁI MỘ

NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2025-2026 – KHỐI 9

MÔN CÔNG NGHỆ

I. NỘI DUNG: Từ bài 1 đến bài 2

Câu 1: Em hãy phân tích vai trò của protein, lipid và carbohydrate có trong thực phẩm đối với cơ thể người.

Câu 2: Em hãy phân tích vai trò của Vitamin, chất khoáng và chất xơ có trong thực phẩm đối với cơ thể người.

Câu 3: Kể tên các loại thực phẩm em thường sử dụng trong một ngày. Cho biết thành phần dinh dưỡng trong các loại thực phẩm đó.

Câu 4: Em hãy nêu vai trò chính của nước đối với cơ thể người.

Câu 5: Hãy kể tên một số thực phẩm được bảo quản bằng phương pháp làm khô mà em biết (ít nhất 5 loại)

Câu 6: Khi chế biến thực phẩm chúng ta cần lưu ý điều gì?

Câu 7: Hãy trình bày một số phương pháp bảo quản thực phẩm?

II. MỘT SỐ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM MINH HOẠ

Câu 1: Vitamin được chia làm mấy nhóm?

- A. 2. B. 3. C. 4. D. 5.

Câu 2: Vitamin A thường có trong loại thực phẩm nào?

- A. Sữa, gan, lòng đỏ trứng, bơ, phô mai.
B. Các loại ngũ cốc, rau, củ quả, hạt đậu.
C. Các loại rau và quả: chanh, cam, bưởi, dưa hấu, ổi, cà chua.
D. Hải sản.

Câu 3: Vai trò của vitamin A đối với cơ thể con người là

- A. tham gia quá trình oxy hóa, kích thích quá trình liên sẹo diễn ra nhanh và dự phòng bệnh tim mạch.
B. kích thích ăn uống, góp phần vào sự phát triển của hệ thần kinh.
C. tăng cường quá trình cốt hóa xương.
D. phát triển, tái tạo các tế bào da, niêm mạc và tăng cường miễn dịch.

Câu 4: Nếu cơ thể thiếu vitamin B sẽ dẫn đến hệ quả gì?

- A. Còi xương ở trẻ em và loãng xương ở người trưởng thành.
B. Quáng gà, giảm khả năng miễn dịch.
C. Quá trình lão hóa diễn ra nhanh chóng, nguy cơ mắc một số bệnh lí tim mạch.
D. Chán ăn, các triệu chứng về thần kinh.

Câu 5: Vitamin C thường có trong loại thực phẩm nào?

- A. Các loại rau và quả: chanh, cam, bưởi, dưa hấu, bắp cải, cà chua.
B. Các loại ngũ cốc, rau, củ, quả, hạt đậu.
C. Rau có màu xanh đậm hoặc vàng, quả có màu vàng: rau muống, rau ngót, cải xanh, rau dền, bí đỏ, cà rốt, xoài gấc.
D. Sữa, dầu gan cá, lòng đỏ trứng, bơ.

Câu 6: Trong quá trình chế biến, thành phần dinh dưỡng có trong thực phẩm sẽ bị thay đổi phụ thuộc vào những yếu tố nào?

- A. Nhiệt độ, áp suất, thời gian, phương pháp đóng hộp,...
B. Nhiệt độ, áp suất, độ ẩm, phương pháp nấu,...
C. Nhiệt độ, dinh dưỡng, thời gian, phương pháp nấu,...
D. Nhiệt độ, áp suất, thời gian, phương pháp nấu,...

Câu 7: Lưu ý khi bảo quản thực phẩm tươi sống là

- A. Có thể bảo quản lạnh trong thời gian ngắn và đông lạnh khi chưa cần sử dụng ngay.
B. Bảo quản lạnh sau khi giết mổ.

- C. Đun nấu thịt, cá sau khi cắt, thái.
D. Nên để thịt, cá trong túi giấy sau khi cắt, thái.

Câu 8: Cách bảo quản đậu, hạt khô, gạo là

- A. Bảo quản trong các tủ đông lạnh.
B. Sơ chế sạch sẽ và bảo quản lạnh.
C. Khử khuẩn bằng các tác nhân vật lí.
D. Để trong hộp, lọ kín,... bảo quản nơi khô ráo, mát mẻ.

Câu 9: Cách chọn thực phẩm bơ tươi ngon là

- A. Bơ màu vàng đậm, vị ngậy, không chảy nước, không có mùi lạ, bề mặt mịn màng, có mùi thơm đặc trưng.
B. Bơ màu vàng tươi, vị ngậy, không chảy nước, không có mùi lạ, bề mặt sần sùi, có mùi thơm đặc trưng.
C. Bơ màu vàng đậm, vị ngậy, không chảy nước, có mùi đặc trưng, bề mặt mịn màng, có mùi thơm đặc trưng.
D. Bơ màu vàng tươi, vị ngậy, không chảy nước, không có mùi lạ, bề mặt mịn màng, có mùi thơm đặc trưng.

Câu 10: Thực phẩm giàu iodine thường có trong thực phẩm nào?

- A. Gạo, ngô, cá mực, rau bắp cải.
B. Rau bắp cải, cá ngừ, táo, dâu tây.
C. Súp lơ xanh, cá mực, trứng, cá ngừ.
D. Rau bắp cải, cá mực, rong biển, sữa, tôm.

MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN

A. PHẦN CHẤT VÀ BIẾN ĐỔI CHẤT LÝ THUYẾT

1. Lý thuyết

- **Bài 15:** Tính chất chung của kim loại
 - + tính chất vật lí của kim loại.
 - + tính chất hóa học cơ bản của kim loại: kim loại phản ứng với Oxygen, kim loại phản ứng với phi kim, với nước, dd HCl, dd muối.
 - + sự khác biệt về tính chất giữa các kim loại nhôm, sắt.
- **Bài 16:** Dãy hoạt động hóa học của kim loại:
 - + Trình bày được ý nghĩa dãy HĐHH của kim loại
 - + Vận dụng làm các bài tập liên quan.
- **Bài 17:** Tách kim loại. Sử dụng hợp kim
 - + Nêu được phương pháp tách kim loại theo mức độ hoạt động hóa học của chúng.
 - + Trình bày được quá trình tách một số kim loại có nhiều ứng dụng như sắt, nhôm, kẽm.
- **Bài 18:** Sự khác nhau cơ bản giữa phi kim và kim loại: Chỉ ra được sự khác nhau cơ bản về một số tính chất giữa phi kim và kim loại.

2. Các dạng bài tập

- Bài tập tăng giảm khối lượng áp dụng với phản ứng kim loại tác dụng với dung dịch muối.
- Bài tập xác định tên kim loại dựa vào các phản ứng hóa học cơ bản của kim loại.
- Bài tập kim loại tác dụng với dung dịch acid.
- Các câu hỏi liên quan đến phương pháp tách kim loại.
- Ý nghĩa của dãy hoạt động hóa học.

B.. PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ SỰ BIẾN ĐỔI:

1. Lý thuyết:

Bài mở đầu: Học tập và trình bày báo cáo khoa học

Bài 1: Công và công suất

Bài 2: Cơ năng

2. Bài tập:

1. *Dạng bài tập:*

Dạng 1: áp dụng công thức tính công và công suất, thế năng hấp dẫn, động năng.

Dạng 2: Bài toán thực tế có liên quan đến công và công suất, cơ năng.

2. *Dạng câu hỏi:* Trắc nghiệm nhiều lựa chọn, câu đúng sai, câu trả lời ngắn (đề mẫu thi vào 10 Sở GDĐT)

C. PHẦN VẬT SỐNG:

- **Bài 33:** Gen là trung tâm của di truyền học

+ Khái niệm di truyền, khái niệm biến dị, gene

+ Khái niệm nucleic acid. Kể tên được các loại nucleic acid: DNA (deoxyribonucleic acid) và RNA (ribonucleic acid).

+ Cấu trúc, chức năng của DNA, RNA

+ Sơ lược về tính đặc trưng cá thể của hệ gene và một số ứng dụng của phân tích DNA trong xác định huyết thống, truy tìm tội phạm...

- **Bài 34:** Từ gene đến tính trạng

+ Mô tả sơ lược quá trình tái bản của DNA, kết quả và ý nghĩa di truyền của tái bản DNA.

+ Khái niệm phiên mã, dịch mã, mã di truyền, đặc điểm và ý nghĩa của mã di truyền.

+ Mối quan hệ giữa DNA – RNA – protein – tính trạng thông qua phiên mã, dịch mã và ý nghĩa di truyền của mối quan hệ này.

+ Khái niệm, ý nghĩa và tác hại của đột biến gene.

II. Các dạng bài tập:

- Bài tập DNA, RNA, Protein

+ xác định trình tự nu của DNA, RNA, gen đột biến, trình tự acid amin

+ Tính số nu, chiều dài, số liên kết Hydrogen, chu kỳ, phần trăm các loại nu, số nu môi trường nội bào cung cấp.

+ Tính số acid amin

MÔN ĐỊA LÝ

I. NỘI DUNG ÔN TẬP

Bài 1, 2, 3, 4

II. CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1. Nhận xét sự phân hóa thu nhập theo vùng từ bảng số liệu cho trước (VD bảng 3 trang 122) ; vẽ và nhận xét biểu đồ về gia tăng dân số: bảng 1.1 (117); vẽ biểu đồ thể hiện diện tích gieo trồng cây lương thực có hạt giai đoạn 2010 – 2021, nêu nhận xét (bảng 4.1 trang 126).

Câu 2. Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp

Câu 3. Trình bày được sự phát triển và phân bố của ngành trồng trọt, chăn nuôi

Câu 4. Phân tích đặc điểm phân bố tài nguyên rừng và nguồn lợi thủy sản

Câu 5. Trình bày được sự phát triển và phân bố ngành công nghiệp điện.

Câu 6. Trình bày ý nghĩa của việc phát triển nông nghiệp xanh, công nghiệp xanh

III. NỘI DUNG ÔN TẬP CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Bài 1, 2, 3, 4

1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.

(HS trả lời từ câu 1 đến câu 20, mỗi câu hỏi HS chọn một phương án đúng).

Em hãy chọn ghi vào bài làm chữ cái đứng trước câu trả lời đúng.

VD: Câu 1. Nước ta có bao nhiêu dân tộc?

A. 53

B. 54

C. 55

D. 56

Đáp án: B

Câu 2. Người Kinh chiếm tỷ lệ bao nhiêu phần trăm trong tổng số dân của nước ta?

A. 75%

B. 80%

C. 85%

D. 90%

Đáp án: C

2. Câu trắc nghiệm đúng sai.

Ghi vào bài làm chữ đúng/ sai với mỗi ý a, b, c, d.

Câu 21: Cho bảng số liệu: Quy mô dân số và tỉ lệ gia tăng dân số nước ta giai đoạn 1989 – 2021.

Năm	1989	1999	2009	2019	2021
Quy mô dân số (triệu người)	64,4	76,5	86	96,5	98,5
Tỉ lệ gia tăng dân số (%)	2,1	1,51	1,06	1,15	0,94

- Năm 2021 dân số nước ta là 98,5 triệu người đứng thứ 13 trên thế giới.
- Dân số tăng nhanh, trung bình mỗi năm tăng gần 1 triệu người trong giai đoạn 1989-2021.
- Tỉ lệ gia tăng dân số có xu hướng giảm chủ yếu do thực hiện tốt chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình.
- Để thể hiện quy mô dân số và tỉ lệ gia tăng dân số, biểu đồ cột là thích hợp nhất.

III. HÌNH THỨC KIỂM TRA

- KT trực tiếp trên giấy.

- Tỉ lệ câu hỏi:

+ Trắc nghiệm: 70%

+ Tự luận: 30%

MÔN LỊCH SỬ

I. NỘI DUNG ÔN TẬP

Bài 1, 2, 3, 5, 6, 7

II. CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1. Hãy trình bày những thành tựu tiêu biểu của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô (1925-1941)?

Câu 2. Cho biết ý nghĩa lịch sử của sự ra đời nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa?

Câu 3. Nêu những nét nổi bật của Châu Á từ sau năm 1945? Hãy nêu những nét nổi bật của tình hình Đông Nam Á từ sau 1945?

Tại sao có thể nói : Từ đầu những năm 90 của thế kỉ XX,” một chương mới đã mở ra trong lịch sử khu vực Đông Nam Á”.

Câu 4. Chỉ rõ những biểu hiện chứng tỏ sự phát triển của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.

Câu 5. Bằng kiến thức lịch sử đã được học, em hãy:

- Đánh giá vai trò của Đảng Cộng sản Đông Dương trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.
- Nêu một bài học rút ra từ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Cuba cho cách mạng Việt Nam hiện nay.

Câu 6. Sưu tầm tư liệu từ sách, báo, internet, hãy kể tên một số thanh niên, trí thức đã tham gia tích cực vào phong trào dân tộc dân chủ (1918-1930). Trách nhiệm của thế hệ trẻ ngày nay để đất nước ngày càng phát triển?

III. NỘI DUNG CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Bài 1, 2, 3, 5, 6, 7

Câu hỏi minh họa:

Câu 1. Báo *Thanh niên* và tác phẩm *Đường Kách mệnh* đã trang bị lí luận gì cho các cán bộ của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên?

- Lí luận Mác – Lênin.
- Tư tưởng dân chủ tư sản.
- Lí luận cách mạng giải phóng dân tộc.
- Chủ nghĩa quân phiệt hiếu chiến.

Câu 2. Sự khác nhau cơ bản giữa Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên và Việt Nam Quốc dân đảng là:

- A. thành phần tham gia. B. hình thức đấu tranh.
C. khuynh hướng cách mạng. D. địa bàn hoạt động

Câu 3. Trong các đặc điểm sau, đâu là ý đúng, đâu là ý sai khi nói về Chính sách mới của Tổng thống Ph. Ru-dơ-ven:

- A. Chính sách mới nhằm cải cách hệ thống chính trị để hạn chế quyền lực tư sản.
B. Chính sách mới đã giúp Mỹ giải quyết nạn thất nghiệp và phục hồi nền kinh tế.
C. Chính sách mới giúp nước Mỹ duy trì chế độ dân chủ tư sản.
D. Chính sách mới đưa Mỹ trở thành nước dẫn đầu trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp.

Câu 4. Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945) đã để lại hậu quả nghiêm trọng gì đối với các nước tư bản châu Âu?

- A. Xuất hiện một số quốc gia mới.
B. Các nước thắng trận và bại trận đều bị suy sụp về kinh tế.
C. Sự xuất hiện của các nước theo hệ thống xã hội chủ nghĩa .
D. Cao trào cách mạng bùng nổ mạnh mẽ.

IV. HÌNH THỨC KIỂM TRA

1. KT trực tiếp trên giấy.

2. Tỉ lệ câu hỏi:

- + Trắc nhiệm: 70%
+ Tự luận: 30%

MÔN TIN HỌC

I. Nội dung kiến thức ôn tập:

- Thế giới kỹ thuật số
- Thông tin trong giải quyết vấn đề. TH: Đánh giá chất lượng thông tin
- Một số vấn đề pháp lý về sử dụng dịch vụ Internet

II. Câu hỏi ôn tập: Phần trắc nghiệm. Khoanh vào chữ cái của câu trả lời đúng

Câu 1: Phương án nào sau đây là ví dụ về thiết bị có gắn bộ xử lý trong thương mại?

- A. Máy chiếu trong lớp học. C. Hệ thống thanh toán trong siêu thị.
B. Máy chụp X-quang. D. Hệ thống phun tưới vận hành tự động.

Câu 2: Robot lắp ráp là thiết bị có gắn bộ xử lý được sử dụng trong lĩnh vực nào?

- A. Công nghiệp. B. Giao thông. C. Xây dựng. D. Giải trí.

Câu 3: Phương án nào sau đây là ứng dụng của máy tính trong lĩnh vực y tế?

- A. Mô phỏng dòng chảy của chất lỏng. B. Chẩn đoán bệnh.
C. Điều khiển ô tô tự động lái. D. Dự báo thời tiết.

Câu 4: Máy tính **không** có khả năng nào sau đây?

- A. Kết nối toàn cầu với tốc độ cao. C. Cảm thụ văn học.
B. Lưu trữ dữ liệu với dung lượng lớn. D. Tính toán nhanh.

Câu 5: Phương án nào sau đây là ví dụ về thiết bị có gắn bộ xử lý trong giáo dục?

- A. Tủ lạnh. B. Máy bán hàng tự động.
C. Robot hút bụi. D. Máy chiếu trong lớp học.

Câu 6: Trong đô thị, thiết bị nào sau đây được gắn bộ xử lý thông tin để điều khiển việc lưu thông, giúp cho các phương tiện trên đường phố di chuyển một cách có trật tự?

- A. Xe ô tô tự lái. B. Đèn giao thông.
C. Camera an ninh. D. Biển báo giao thông.

Câu 7: Loại đồng hồ nào sau đây được gọi là bộ xử lý thông tin?

- A. Đồng hồ quay lắc, chạy bằng dây cót. B. Đồng hồ điện tử không dùng pin.
C. Đồng hồ thông minh. D. Đồng hồ quartz (thạch anh).

Câu 8: Em hãy tìm hiểu và cho biết dữ liệu đầu ra của một chiếc điều khiển từ xa của tivi, đồng thời là đầu vào của chiếc tivi đó là gì.

- A. Một chùm sáng hẹp song song. B. Một chùm sáng không song song.

C. Dây bit dưới dạng tín hiệu hồng ngoại. D. Dây bit dưới dạng tín hiệu sóng âm.

Câu 9: Những đặc điểm nào là ưu điểm, thể hiện khả năng của máy tính?

- A. Tính toán nhanh, lưu trữ lâu dài, kết nối toàn cầu.
- B. Tính toán nhanh, lưu trữ lớn, kết nối toàn cầu.
- C. Tương tượng phong phú, lưu trữ lớn, kết nối toàn cầu.
- D. Tương tượng phong phú, lưu trữ lớn, kết nối an toàn.

Câu 10: Chất lượng thông tin được đánh giá thông qua mấy tiêu chí?

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 11: Tiêu chí nào sau đây **không** được dùng để đánh giá chất lượng thông tin?

- A. Tính sử dụng được. B. Tính hấp dẫn.
- C. Tính mới. D. Tính đầy đủ.

Câu 12: Phương án nào sau đây là ứng dụng hỗ trợ và phổ biến tệ nạn trên mạng?

- A. Internet Banking. B. Mua sắm trực tuyến.
- C. Học online. D. Tổ chức đánh bạc trực tuyến.

Câu 13: Hành vi nào sau đây là thiếu văn hoá khi hoạt động trong môi trường số?

- A. Dùng từ ngữ phản cảm khi bình luận trên các diễn đàn, mạng xã hội.
- B. Sử dụng phần mềm không có bản quyền.
- C. Làm lộ thông tin cá nhân, tổ chức gây ảnh hưởng xấu.
- D. Sử dụng dữ liệu của người khác mà không xin phép.

Câu 14: Văn bản nào quy định chi tiết việc bảo đảm an toàn thông tin và an ninh thông tin?

- A. Luật An ninh mạng. C. Nghị định số 72/2013/NĐ-CP.
- B. Luật An toàn thông tin. D. Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11.

Câu 15: Tự ý đăng địa chỉ nhà của người khác là

- A. hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến sở hữu trí tuệ, sở hữu tài sản, đánh bạc,...
- B. hành vi vi phạm quyền nhân thân, uy tín của cá nhân và tổ chức.
- C. hành vi vi phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.
- D. hành vi vi phạm đến việc bảo đảm an toàn thông tin trên không gian mạng.

Câu 16: Phương án nào sau đây **không** phải là tác động tích cực khi sử dụng thư điện tử?

- A. Giảm bớt sự phụ thuộc vào không gian và thời gian. B. Dễ dàng tiếp cận thông tin.
- C. Chứa nhiều nội dung thông tin trong một lần gửi. D. Thông tin được bảo mật.

Câu 17: Phát biểu nào sau đây **sai**?

- A. Máy tính được ứng dụng hiệu quả trong nhiều lĩnh vực của khoa học kỹ thuật và đời sống.
- B. Nhiều dữ liệu hiện có trên Internet là miễn phí.
- C. CNTT có tác động tiêu cực đến con người và xã hội nhiều hơn so với tác động tích cực.
- D. Cần sử dụng công nghệ thông tin đúng cách để tránh những tác động tiêu cực đến cuộc sống.

Câu 18: Phương án nào sau đây **không** là tác động tích cực của công nghệ thông tin lên giáo dục?

- A. Rút ngắn khoảng cách, kết nối con người nhanh chóng.
- B. Cổ vũ thái độ sống tích cực.
- C. Mở rộng phạm vi tiếp cận giáo dục
- D. Dễ dàng chia sẻ kiến thức, kỹ năng.

Câu 19: Công nghệ thông tin có tác động tiêu cực như thế nào đến sức khoẻ thể chất của con người?

- A. Khiến con người trở nên thụ động. B. Gây giảm thị lực.
- C. Giảm tương tác giữa người với người. D. Thông tin giả tràn lan.

Câu 20: Cụm từ nào sau đây gần nghĩa nhất với thông tin có chất lượng cao?

- A. Thông tin đáng tin cậy. B. Thông tin chính xác.
- C. Thông tin đầy đủ. D. Thông tin hữu ích.

Câu 21: Thông tin chính xác có thể mô tả như thế nào?

A. Thông tin có nội dung gốc xác định và nguồn tin đó đủ thẩm quyền đối với thông tin được nêu.

B. Thông tin đúng đắn, có thể khi kiểm chứng được, đủ cụ thể so với vấn đề cần giải quyết.

C. Thông tin được cập nhật, được thu thập đúng lúc, kịp thời để giải quyết vấn đề đặt ra.

D. Thông tin về mọi khía cạnh của sự kiện, cho phép nhìn nhận sự kiện một cách toàn diện

Câu 22: Trong một cuộc thi rung chuông vàng, câu hỏi được đặt ra là: "Để duy trì sự sống, con người, động vật và thực vật cần những điều kiện gì?". Câu trả lời nào sau đây đáp ứng đúng nội dung của câu hỏi đó?

A. Động vật có thể di chuyển, có hệ thần kinh, có giác quan và tế bào không có thành xenlulo.

B. Con người, động vật, thực vật đều có cấu tạo từ tế bào, có khả năng lớn lên và sinh sản.

C. Con người, động vật, thực vật đều cần không khí, nước, thức ăn, ánh sáng để duy trì sự sống.

D. Con người, động vật, thực vật đều cần dùng chất hữu cơ để nuôi lớn cơ thể và sinh sản

Câu 23: Nhà quản lý căn cứ vào danh sách nhân viên vắng mặt không lí do trong một ngày để tiến hành đánh giá về chuyên cần và thái độ làm việc của nhân viên. Thông tin nhà quản lý đã vi phạm yếu tố nào của chất lượng thông tin trong đánh giá nhân viên?

A. Tính mới. B. Tính chính xác. C. Tính đầy đủ. D. Tính sử dụng được.

Lớp em cần chuẩn bị tư liệu cho buổi Triển lãm tin học. Các bạn đặt ra một số câu hỏi để cùng nhau kiểm tra chất lượng của thông tin tìm kiếm được.

Câu 24: Em hãy cho biết câu hỏi: "Thông tin có đáp ứng đúng những yêu cầu của triển lãm mà chúng ta đã ra không?" được sử dụng để kiểm tra tiêu chí nào của chất lượng thông tin?

A. Tính mới. B. Tính chính xác. C. Tính đầy đủ. D. Tính sử dụng được.

Câu 25: Em hãy cho biết câu hỏi: "Trong văn bản có chứa bất kì một lỗi chính tả hoặc ngữ pháp nào hay không?" được sử dụng để kiểm tra tiêu chí nào của chất lượng thông tin?

A. Tính mới. B. Tính chính xác. C. Tính đầy đủ. D. Tính sử dụng được.

Câu 26: Em hãy cho biết câu hỏi: "Thông tin được công bố khi nào?" được sử dụng để kiểm tra tiêu chí nào của chất lượng thông tin?

A. Tính mới. B. Tính chính xác. C. Tính đầy đủ. D. Tính sử dụng được.

Câu 27: Em hãy cho biết câu hỏi về vấn đề đang cần giải quyết: "Còn điều gì chúng ta chưa biết về vấn đề đang cần giải quyết?" nhằm kiểm tra tiêu chí nào của chất lượng thông tin?

A. Tính mới. B. Tính chính xác. C. Tính đầy đủ. D. Tính sử dụng được.

Câu 28: Câu hỏi: "Thông tin có đủ cụ thể, chi tiết và đúng với những gì đã xảy ra hay không?" được sử dụng để kiểm tra tiêu chí nào của chất lượng thông tin?

A. Tính mới. B. Tính chính xác. C. Tính đầy đủ. D. Tính sử dụng được.

f) Câu hỏi: "Thông tin được công bố khi nào? Lần cập nhật gần đây nhất được thực hiện khi nào?" được sử dụng để kiểm tra tiêu chí nào của chất lượng thông tin?

A. Tính mới. B. Tính chính xác. C. Tính đầy đủ. D. Tính sử dụng được.

Câu 29: Hành vi nào sau đây không được coi là vi phạm pháp luật, trái đạo đức, thiếu văn hoá?

A. Giả danh người khác để đăng tin thu hút sự chú ý.

B. Sử dụng phần mềm không có bản quyền.

C. Viết bài giới thiệu về trường học.

D. Tham gia đánh bạc trực tuyến.

Câu 30: Phát biểu nào sau đây **sai**?

A. Internet là một kho thông tin khổng lồ.

- B. Cần phải quan tâm đến chất lượng thông tin khi tìm kiếm, tiếp nhận, trao đổi và sử dụng thông tin để có thể đưa ra các quyết định đúng đắn.
- C. Số lượng bản tin làm cho thông tin trở thành hữu ích.
- D. Em có thể tìm thấy nhiều thông tin trên Internet nhưng không phải thông tin nào cũng có thể sử dụng để giải quyết vấn đề.

Câu 31: Tính chính xác của thông tin thể hiện điều gì?

- A. Thể hiện thông tin đã bị lỗi thời chưa.
- B. Thể hiện tính phù hợp của thông tin với vấn đề hay câu hỏi được đặt ra.
- C. Thể hiện sự bao quát nhiều khía cạnh, cho em có được cái nhìn tổng thể về vấn đề được đặt ra.
- D. Thể hiện tính đúng đắn của thông tin.

Câu 32: Phát biểu nào sau đây **sai**?

- A. Thông tin là cơ sở để ra quyết định.
- B. Chất lượng thông tin trên Internet thể hiện ở số lượng người đọc.
- C. Không phải thông tin nào trên Internet cũng hữu ích đối với việc giải quyết vấn đề.
- D. Nếu thông tin không liên quan tới vấn đề được đặt ra thì em sẽ không sử dụng được và thông tin trở nên vô ích.

Câu 33: Công nghệ kĩ thuật số có tác động tiêu cực đến quyền riêng tư như thế nào?

- A. Gây mất ngủ.
- B. Ít giao tiếp.
- C. Thông tin cá nhân có thể bị rò rỉ và sử dụng bất hợp pháp.
- D. Gây nghiện Internet.

Câu 34: Công nghệ kĩ thuật số có tác động tiêu cực đến môi trường như thế nào?

- A. Nguy cơ thất nghiệp tăng.
- B. Tồn hại thị lực.
- C. Giúp tiết kiệm thời gian di chuyển.
- D. Tạo ra rác thải điện tử.

Câu 35: Công nghệ kĩ thuật số có tác động tiêu cực đến xã hội như thế nào?

- A. Thúc đẩy các nền kinh tế truyền thống chuyển đổi sang kinh tế tri thức.
- B. Hạn chế những ý tưởng sáng tạo do thói quen tìm kiếm trên Google.
- C. Khiến cho một bộ phận người dân yếu thế như người già, người khuyết tật ngày càng tụt hậu.
- D. Tăng nguy cơ mắc các bệnh liên quan đến tim mạch, tiểu đường, ung thư và béo phì do ít vận động.

Câu 36: Phương án nào sau đây **không** phải là tác động tiêu cực của công nghệ số đến đời sống con người?

- A. Thông tin cá nhân bị rò rỉ và sử dụng bất hợp pháp.
- B. Cung cấp các công cụ giáo dục tiên tiến.
- C. Thiết bị số nhanh chóng trở nên lỗi thời.
- D. Người dân ở các vùng khó khăn ngày càng tụt hậu.

Câu 37: Công nghệ kĩ thuật số giúp tạo ra một nền giáo dục hiện đại và tiên tiến như thế nào?

- A. Cải thiện quy trình tuyển dụng, thu thập và phân tích dữ liệu kinh doanh chính xác hơn.
- B. Các nguồn tài nguyên trực tuyến không giới hạn phục vụ cho việc nghiên cứu.
- C. Tạo điều kiện cho việc mua sắm trực tuyến ngày càng phổ biến.
- D. Tạo ra lợi nhuận cho các doanh nghiệp.

Câu 38: Ví dụ về việc con người quá lệ thuộc vào công nghệ kĩ thuật số để giải quyết những vấn đề nhỏ trong cuộc sống là

- A. Việc lộ thông tin tài khoản ngân hàng có thể bị mất tiền trong tài khoản.
- B. Lừa đảo qua mạng.
- C. Học sinh lười suy nghĩ, nhờ trí tuệ nhân tạo làm bài tập về nhà.
- D. Gia tăng ô nhiễm môi trường.

Câu 39: Công nghệ kĩ thuật số có tác động tiêu cực đến sức khỏe tinh thần của con người như thế nào?

- A. Gây ra các vấn đề về cột sống. B. Suy giảm sự sáng tạo.
C. Thách thức về an ninh dữ liệu. D. Nguy cơ trầm cảm và lo lắng.

Câu 40: Việc lộ thông tin cá nhân trên Internet dẫn đến hậu quả gì?

- A. Giảm kết nối, tương tác trực tiếp giữa người với người.
B. Tài khoản bị mạo danh.
C. Thay đổi thói quen sinh hoạt.
D. Hình thành thói quen thích được chú ý.

Câu 41: Môi trường kinh doanh toàn cầu được tạo ra bởi cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và công nghiệp 4.0. Dưới sự phát triển bùng nổ của thời đại Internet, công nghiệp 4.0 trong thời đại này đã tạo ra những phát minh thay đổi hoàn toàn cách các doanh nghiệp vận hành. Em hãy tìm hiểu thông tin trên Internet và cho biết công nghệ nào cho phép người dùng có thể sử dụng các dịch vụ lưu trữ thông tin nhờ vào các nhà cung cấp như Facebook, Office 365, YouTube,...?

- A. Trí tuệ nhân tạo (AI). B. Điện toán đám mây (Cloud Computing).
C. Khai phá dữ liệu (Data Mining). D. Internet vạn vật (Internet of Things).

Câu 42: Thông tin nào sau đây phù hợp với mục tiêu du học nước ngoài?

- A. Thông tin xét tuyển các trường THPT trong nước. B. Dự báo thời tiết.
C. Điều kiện xin học bổng du học. D. Luật an ninh mạng.

Câu 43: Em cần tìm kiếm thông tin về bài thi IELTS ở đâu?

- A. Website của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
B. Website của các đơn vị tổ chức thi (Hội đồng Anh, IDP).
C. Website của nhà trường.
D. Website của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Câu 44: Khi tìm kiếm thông tin về Cuộc thi Viết thư Quốc tế UPU năm học 2024 – 2025, bạn Minh đã không để ý đến thời hạn nộp bài dự thi nên đã bỏ lỡ cơ hội tham gia. Theo em, sơ suất này vi phạm tiêu chí nào về chất lượng thông tin?

- A. Tính đầy đủ. B. Tính chính xác. C. Tính mới. D. Tính sử dụng được

Câu 45: Nguồn thông tin nào sau đây là đáng tin cậy nhất?

- A. Ý kiến của người thân.
B. Các loại sách tham khảo phổ biến trên thị trường.
C. Những chia sẻ cá nhân trên Internet.
D. Sách giáo khoa do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam phát hành.

Câu 46: Em hãy tìm hiểu trên Internet và cho biết tờ báo điện tử nào sau đây trực thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông Việt Nam?

- A. Báo Đời sống & Pháp luật. B. Vietnamnet. C. VTC News. D. VnExpress.

III. Dạng bài tham khảo

Phần tự luận:

Câu 1. Em hãy cho biết những nguồn thông tin nào cần được tham khảo, trước khi đưa ra quyết định lựa chọn môn học khi bước vào trường THPT. Việc mở rộng nguồn thông tin có ý nghĩa gì đối với việc giải quyết vấn đề được đặt ra?

Câu 2. Trước khi quyết định lựa chọn môn học khi bước vào trường THPT, em cần phát triển hệ thống câu hỏi để đảm bảo tính đầy đủ của thông tin hỗ trợ. Em hãy nêu một số câu hỏi nhằm nhận được thông tin bao quát mọi khía cạnh của vấn đề.

MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN

I. NỘI DUNG:

- Bài 1: Sống có lí tưởng
- Bài 2: Khoan dung

- Bài 3: Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng

Yêu cầu:

- Học sinh nắm được khái niệm, biểu hiện, ý nghĩa, rèn luyện...

- Học sinh biết nhận xét và xử lý tình huống

* Lưu ý: Các câu hỏi trắc nghiệm sẽ lấy theo nội dung các bài trên

II. MỘT SỐ DẠNG CÂU HỎI

1. Dạng câu hỏi TNKQ

Câu 1: Điền vào chỗ chấm: “Lí tưởng là mục đích ... mà con người mong muốn đạt tới.”

- A. quan trọng B. cao đẹp nhất C. đẹp dễ D. mãnh liệt

Câu 2: Mục đích của sống có lí tưởng là gì?

- A. Tăng cường sức khỏe, kĩ năng sống.
B. Được xã hội công nhận, tôn trọng.
C. Đóng góp cho lợi ích cộng đồng, quốc gia.
D. Giúp bản thân giàu có và khá giả hơn.

Câu 3: Biểu hiện lí tưởng sống cao đẹp, đúng đắn của thanh niên là gì?

- A. Sợ khó trong học tập.
B. Luôn khắc phục mọi khó khăn, vươn lên trong cuộc sống.
C. Bị cám dỗ bởi các chất kích thích nguy hiểm.
D. Đua đòi, chạy theo những xu hướng trên mạng xã hội.

Câu 4: Cơ quan, tổ chức quản lý các hoạt động của thanh niên trong cả nước được gọi là gì?

- A. Đoàn xã. B. Đoàn phường.
C. Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh. D. Tỉnh đoàn Thanh niên.

Câu 5: Cái đích của cuộc sống mà mỗi người khát khao muốn đạt được được gọi là gì?

- A. Mong muốn. B. Mục tiêu. C. Mục đích. D. Lý tưởng sống.

Câu 6: Ý nào sau đây là đúng khi nói về ý nghĩa của người sống có lí tưởng?

- A. Người có lí tưởng sống cao đẹp sẽ giàu có về tâm hồn.
B. Người có lí tưởng sống cao đẹp luôn được mọi người tôn trọng.
C. Người có lí tưởng sống cao đẹp luôn có nhiều bạn.
D. Người có lí tưởng sống cao đẹp sẽ trở nên giàu có, được nhiều người biết đến.

Câu 7: Điền vào chỗ chấm: “Khoan dung là một trong những ... văn hóa ... của dân tộc Việt Nam.”

- A. To lớn; cao đẹp B. nền tảng; to lớn.
C. truyền thống; tốt đẹp. D. nét đẹp; cao quý.

Câu 8: Điền vào chỗ chấm: “Truyền thống khoan dung được thể hiện qua cách ... của con người trong các mối quan hệ xã hội.”

- A. ứng xử B. nói chuyện C. hành động D. tâm tư

Câu 9: Lòng khoan dung là gì?

- A. Tính cách của người khác.
B. Không cố chấp, định kiến.
C. Sự thất bại và không chấp nhận lỗi lầm.
D. Sự tỏ ra thỏa hiệp mọi lúc.

Câu 10. Em đồng tình, không đồng tình với ý kiến nào dưới đây

- A. Khoan dung là tha thứ cho mọi lỗi lầm của người khác.
B. Khoan dung không chỉ là tha thứ cho người khác mà còn là tha thứ cho chính mình.
C. Không bao giờ phê bình người khác là biểu hiện của khoan dung.
D. Khoan dung là tha thứ cho người khác ngay cả khi họ không biết hối hận.
E. Đối lập với khoan dung là hẹp hòi, ích kỉ.

2. Dạng câu hỏi tự luận

Câu 1. Tình huống . Gia đình bà A luôn không tuân thủ các quy định chung của tập thể, hay to tiếng với mọi người trong khu phố. Mặc dù, tổ trưởng dân phố đã nhắc nhở nhiều lần nhưng

gia đình bà A vẫn không thay đổi. Qua thời gian, bà A nhận thấy hàng xóm lạnh nhạt, xa lánh thì cảm thấy ngượng ngùng và hối lỗi. Trong cuộc họp của tổ dân phố, bà A đã có lời xin lỗi với bà con tổ dân phố và hứa sẽ sửa đổi.

Nếu em là hàng xóm của bà A, em sẽ ứng xử như thế nào?

Câu 2. Thế nào là người có lí tưởng sống cao đẹp? Lí tưởng sống cao đẹp của thanh niên ngày nay là gì? Em có mơ ước gì cho tương lai của bản thân? Em sẽ làm như thế nào để đạt được mơ ước đó?

Câu 3. Tình huống: Chủ nhật, T cùng bố mẹ tham gia nhóm từ thiện do Hội Chữ thập đỏ xã tổ chức, nấu những nồi cháo để tặng những bệnh nhân nghèo đang điều trị tại các bệnh viện đóng trên địa bàn. Mẹ nhắc em gái T (đang học lớp 7) cùng tham gia nhưng em từ chối vì muốn được nghỉ ngơi, vui chơi sau một tuần học tập

Em có nhận xét gì về thái độ của em gái T? Hãy đưa ra lời khuyên cho em gái T

MÔN MỸ THUẬT

Tuần 8: Sáng tạo tác phẩm điêu khắc cân bằng động

MÔN ÂM NHẠC

A. Mục tiêu

1. Kiến thức: Ôn tập kiến thức từ tiết 1 đến tiết 6

2- Kỹ năng

- HS biết trình bày bài hát ở hình thức đơn ca.
- Kỹ năng đọc tập đọc nhạc, ghép lời, gõ theo âm hình tiết tấu
- Thể hiện đúng mẫu tiết tấu, biết thể hiện theo bộ gõ cơ thể.

3. Thái độ:

- Nghiêm túc trong thi cử
- Có thái độ yêu thích và coi trọng môn âm nhạc.

4. Định hướng phát triển năng lực:

- Phát triển năng lực hoạt động, hiểu biết, cảm thụ, sáng tạo, ứng dụng âm nhạc.

B. Nội dung :

1. Ôn tập phần học hát: Học thuộc lời các bài hát trong chương trình

+ Tuổi mười lăm

+ Quê hương thanh bình

(yêu cầu: Hát đúng lời ca, giai điệu, thể hiện đúng tính chất của bài hát)

2. Ôn tập bài tập đọc nhạc số 1

Yêu cầu: đọc đúng cao độ, trường độ, ghép đúng lời ca biết gõ đệm theo nhịp, phách

MÔN THỂ DỤC

Chủ đề Nhảy cao: Kỹ thuật nhảy cao kiểu nằm nghiêng

- Ôn các động tác bổ trợ.
- Ôn và hoàn thiện kỹ thuật nhảy cao kiểu nằm nghiêng.

MÔN NGŨ VẦN

I. NỘI DUNG

1. Phần đọc - Thực hành Tiếng Việt

- Các văn bản thuộc thể loại: truyện truyền kì, thơ song thất lục bát
- Từ Hán Việt, điển tích, điển cố
- Biện pháp chơi chữ
- Biện pháp điệp thanh, điệp vần

2. Phần viết:

- Viết đoạn văn phân tích tâm trạng nhân vật trữ tình trong thơ song thất lục bát

- Viết đoạn văn phân tích nhân vật trong truyện truyền kì
- Viết bài văn NLXH về một vấn đề cần giải quyết (Con người trong mối quan hệ với tự nhiên)
- Viết bài văn nghị luận phân tích tác phẩm văn học (thơ song thất lục bát)

*** Yêu cầu:**

- Đối với phần đọc: Nắm vững tri thức thuộc thể loại truyện truyền kì, thơ song thất lục bát
- Đối với phần Tiếng Việt: Nắm vững đặc điểm, công dụng, cách vận dụng các kiến thức Tiếng Việt đã học
- Đối với phần viết: Nắm vững cấu trúc kĩ năng viết đoạn văn, bài văn

II. GỢI Ý MỘT SỐ DẠNG BÀI

- Xác định đề tài, chủ đề, chi tiết tiêu biểu, ngôi kể, đặc điểm của lời kể,... trong truyện truyền kì;
- Chỉ ra và phân tích tác dụng của các yếu tố kì ảo trong truyện truyền kì.
- Tìm từ Hán Việt và giải thích nghĩa của nó.
- Chỉ ra và phân tích hiệu quả nghệ thuật của biện pháp điệp thanh, điệp vần trong thơ
- Xác định đề tài, chủ đề, nhân vật trữ tình, đối tượng trữ tình, hình ảnh đặc sắc,... trong thơ song thất lục bát
- Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ trong thơ song thất lục bát
- Viết đoạn văn phân tích tâm trạng nhân vật trữ tình trong thơ song thất lục bát
- Viết bài văn nghị luận phân tích tác phẩm văn học (thơ song thất lục bát)
- Viết đoạn văn phân tích nhân vật trong truyện truyền kì
- Viết bài văn NLXH về một vấn đề cần giải quyết. (Con người trong mối quan hệ với tự nhiên)

III. CẤU TRÚC ĐỀ: Tự luận (10 điểm)

+ Đọc hiểu: 4 điểm

+ Viết: 6 điểm

Đoạn văn: 2 điểm

Bài văn: 4 điểm

MÔN TIẾNG ANH

A. VOCABULARY:

Unit 1: Local community

Unit 2: City life

Unit 3: Healthy living for teens

B. GRAMMAR

- Question words before to- infinitives
- Phrasal verbs
- Double comparatives
- Modal verbs in first condition sentences

C. PRONUNCIATION

- Sounds : /æ/; /ɑ:/ and /e/
- Sounds : /aʊ/; /əʊ/ and /eə/
- Sounds : /h/ and /r/

D. COMMUNICATION

- Seeking help and responding
- Offering help and responding
- Asking for repetition and responding

PRACTICE

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation in each of the following questions.

Question 1. A. below B. down C. town D. nowadays

Question 2. A. ahead B. handicraft C. honour D. hospital

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the word that differs from the other three in the position of primary stress in each of the following questions.

Question 3. A. congest B. metro C. transport D. bustling

Question 4. A. distraction B. counsellor C. confident D. physical

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions.

Question 5. Her personal trainer helps her to set up _____ meals and healthy habits.

A. well-balanced B. well-organised

C. well-designed D. well-structured

Question 6. _____ the school is , _____ it is for students

A. The nearest / the more convenient

B. The nearer / the most convenient

C. The nearer/ the more convenient

D. nearer / more convenient

Question 7. When I was at school, I had to learn _____ a well- balanced life in order to reduce stress and anxiety.

A. when to start B. where to work C. how to have D. who to work

Question 8. If you have many assignments at the end of this semester, you _____ go to the self-study room.

A. will B. should C. may D. might

Question 9. The sky train is packed _____ commuters at rush hour.

A. in B. on C. off D. with

Question 10. The new student was very shy at the beginning, but then he _____ well with everyone.

A. got on B. went on C. got over D. cheered up

Question 11. Two roommates are studying and the room is dark.

- Linda: "Would you mind opening the window?"

- Jane: " _____ . "

A. I agree with you

B. Yes, you can

C. Not at all

D. Yes, I'd love to

Question 12. The road is narrow, so _____ often occurs at rush hour.

A. traffic light B. traffic flow C. traffic congestion D. traffic safety

Read the following announcement and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each numbered blank from 13 to 16.

Attention, students!

This is a reminder that the English exam will (13) _____ on Monday, March 5th, at 9:00 AM in the main auditorium. Please ensure you arrive at least 15 minutes (14) _____ to find your seats and settle in.

You are allowed to bring a pen, pencil, and an eraser. Please do not bring any (15) _____ devices or notes.

Good luck with your preparations, and we look forward (16) _____ you on exam day!

Thank you.

Question 13. A. take part in B. take place C. take off D. take up

Question 14. A. late B. in time C. early D. fast

Question 15. A. electronic B. electricity C. electric D. electrical

Question 16. A. seeing B. see C. to see D. to seeing

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions

Question 17. Put the sentences (a-c) in the correct order, then fill in the blank to make a logical text.

Our family vacation included visiting several countries and learning about their cultures. Here's what we did. _____

- a. In each country, we visited museums, tried local foods, and attended cultural events.
- b. We planned our trip to include different countries with rich cultural histories.
- c. We took lots of photos and enjoyed learning about the unique traditions and customs of each place.

A. a - b - c B. b - a - c C. c - a - b D. a - c - b

Question 18. Choose the sentence that most appropriately ends the text (in Question 17).

- A. We collected souvenirs from each country to remember our trip.
- B. We met many local people and learned interesting facts about their daily lives.
- C. The trip was an amazing experience, and we gained a deeper understanding of world cultures.
- D. We spent a lot of time planning our next vacation to explore even more countries.

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each numbered blank

James, an adult working a nine-to-five job, is also aware of the importance of time management. He starts his day by making a to-do list, prioritizing (19)_____ or difficult tasks first when he has the most energy. (20)_____ distractions, James turns off email and social media notifications on his phone and closes his office door, allowing him to concentrate. On the day when he must work overtime, he (21)_____ his tasks and makes sure (22)_____ gets completed on time. (23)_____ at home, James spends his quality time with his family, playing games or going to the park with his two young children. James and his wife share the housework, taking turns cooking and cleaning, ensuring a great work-life balance. In his free time, James (24)_____ by playing football with friends and going to the gym, which helps him relax and clear his mind.

Question 19. A. the more urgent B. the most urgent C. most urgent D. the best urgent

Question 20. A. Avoiding B. Avoid C. Be avoided D. To avoid

Question 21. A. quickly rearranges B. quick rearranges C. rearrange quickly D. rearrange quicker

Question 22. A. nothing B. something C. none D. everything

Question 23. A. After B. Before C. When D. As soon as

Question 24. A. stays fit B. keeps fit C. goes fit D. makes fit

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the sentence that is closest in meaning to the original sentence in each of the following questions.

Question 25. You must be careful because you may get burnt.

- A. If you want to get burnt, you must be careful.
- B. You may get burn because you are not careful.
- C. You will get burn because she is not careful.
- D. If you don't want to get burnt, you must be careful.

Question 26. It's difficult to get around the city at rush hours due to congested roads.

- A. Moving to the city at rush hours is not a good idea.

- B. It's not easy at rush hours because the downtown is congested.
- C. Traffic congestion makes it difficult to travel in the city at rush hours.
- D. Don't get around the city because all roads are congested.

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the sentence that is made from the given cues in each of the following questions.

Question 27. *The pottery artisan / can make / beautiful / pot / vase / local clay.*

- A. The pottery artisan can make beautiful pots and vases from local clay.
- B. The pottery artisan can make beautiful pots and vases by local clay/
- C. The pottery artisan can make beautiful pot and vase from local clay.
- D. The pottery artisan can make beautiful pots and vases from a local clay.

Question 28. *Yesterday/I decide/give away/old clothes / a local charity.*

- A. Yesterday I decide to give away my old clothes to a local charity.
- B. Yesterday I decided to give away my old clothes to a local charity.
- C. Yesterday I decided to give away my old clothes a local charity.
- D. Yesterday I decided give away my old clothes to a local charity.

Read the following sign or notice and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions.

Question 29. What does the sign say?



- A. You mustn't cross the fence.
- B. The fence is dangerous.
- C. It is dangerous to stay behind the fence.
- D. You shouldn't stand close to the fence.

Question 30. What does the notice say?



- A. You can buy cheaper apples after 6 p.m.
- B. You can only buy apples today.
- C. Today you can buy apples at a cheaper price before 6 p.m.
- D. You can't buy any apples before 6 p.m.

Read the following passage and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions

Life in the big city is face-paced, fun and exciting. There are countless job opportunities and activities to occupy your time. However, with the good, there also comes the bad. Although the big city has more job opportunities; there are also more people competing for a single job. This can make your job search frustrating. Oddly enough, you will see hundreds, if not thousands of jobs available each week, but you still might remain unemployed, especially when the economy is down. In addition, the cost of living is typically higher in big cities, and it can cost you an arm and a leg for a small apartment in a decent area of the city, not to mention other costs to fulfill your basic demands. Diversity is a good thing, but the amount of people can be a bit overwhelming if you are not accustomed to it. There will always be crowds and always be people around. Moreover, traffic can be a nightmare in the big city. It can get so bad that it can turn you into an evil person. If you hate driving in traffic, then the big city life is not for you. Heavy traffic also contributes to the pollution, which is one of the biggest disadvantages of

living in the city. Obviously, our health is affected most with certain diseases relating to respiratory system and other body parts. A lot of premature deaths are supposed to be the result of long-term exposure to small particles. Most importantly, there is always more crime in a big city, causing you second case your decision for living in a big city. You are much more likely to be a victim of a crime living in a big city than in a small town.

Question 31. What is the main idea of the reading passage?

- A. Life in the big city is beneficial.
- B. There are some drawbacks of city life despite the advantages.
- C. Traffic is a big problem in big cities.
- D. People have great job opportunities when living in the city.

Question 32. Which of the following does the passage suggest about finding a job in a big city?

- A. It is easy to find a job, regardless of the economy.
- B. The job market is more competitive in big cities.
- C. There are fewer job opportunities available.
- D. The economy has no impact on job availability.

Question 33. How does the passage describe the traffic situation in big cities?

- A. It is a pleasant experience.
- B. It is not a significant problem.
- C. It can be a frustrating and unpleasant experience.
- D. It has no impact on the environment.

Question 34. Which word in the passage is CLOSEST in meaning to "out of work"?

- A. unemployed
- B. job
- C. down
- D. available

Question 35. What does the passage suggest about the cost of housing in big cities?

- A. It is affordable for most people.
- B. It is reasonable for a small apartment.
- C. It is not mentioned in the passage.
- D. It can be very expensive.

Question 36. Which word in the passage is OPPOSITE in meaning to "satisfying"?

- A. obvious
- B. important
- C. frustrating
- D. countless

Four phrases/sentences have been removed from the text below. For each question, mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct option that fits each of the numbered blanks

A. Let's drink more water as well as take out time to get some air and exercise
 B. First of all, students must be able to design and stick to a timetable.
 C. you immediately feel a lot better
 D. By keeping academic notes organized, turning in assignments on time, and keeping track of all deadlines, stress can be reduced to a great extent.

Practical stress management can help students deal with their worries and become more productive, competent and efficient. (37)_____. Choose a relaxing break between work and study, even if it's just taking out time to breathe. In addition, a healthy lifestyle is essential for students. (38)_____. Furthermore, organization is very important in academic life for dealing with stress. (39)_____. Stress can also get worse if a person feels lonely. Therefore, by letting out all your thoughts to someone you trust, (40)_____. However, if you feel extremely stressed out, take a break and do something you love. Whether it is painting or listening to music, doing something you enjoy can cheer up your mood and distract you from a stressor. It's about time that we students accept that we can achieve just as much in life without all the stress.

Question 37. _____ **Question 38.** _____ **Question 39.** _____ **Question 40.** _____

MÔN TOÁN

I. Kiến thức trọng tâm

1. Số và Đại số:

- Phương trình và hệ phương trình bậc nhất hai ẩn.
- Phương trình và bất phương trình bậc nhất một ẩn(Nội dung 2 bài đầu).

2. Hình học:

- Tỉ số lượng giác của góc nhọn.
- Hệ thức giữa cạnh và góc trong tam giác vuông.

II. Các dạng bài tập điển hình

1. Giải hệ phương trình bậc nhất hai ẩn.
2. Giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình.
3. Giải phương trình tích, phương trình chứa ẩn ở mẫu.
4. Giải bất phương trình bậc nhất một ẩn.
5. Tính độ dài các cạnh, số đo các góc trong tam giác vuông.
6. Toán thực tế.

III. Bài tập minh họa

Dạng 1. Phương trình quy về phương trình bậc nhất một ẩn, phương trình tích, PT chứa ẩn ở mẫu

Bài 1. Giải các phương trình sau:

- 1) $(x-1) = x(x+3)$; 2) $2(x+2) = 2x(x+2) + 4$; 3) $(x-2)(x+2) = (x-4)$;
 4) $6x^2 - 36 = 6x(x-2) - 5(2x+1)$; 5) $(x+3)(x^2 - 3x + 9) - 2x = x - 7$; 6) $(x-2) + 6 + 7(2x-1) = 0$

Bài 2 Giải các phương trình sau:

- 1) $\frac{x}{x-1} + \frac{3}{x+1} = \frac{3x}{x^2-1}$; 2) $\frac{x+2}{x-2} + \frac{2+x}{x^2-4} = \frac{x^2+16}{x^2-4}$;
 3) $\frac{x}{x+4} + \frac{x-3}{x-3} = \frac{9x-5}{x^2-3x}$; 4) $\frac{2x-5}{x+4} + \frac{-17x+56}{4-x} = \frac{x^2-16}{x^2-16}$;

Dạng 2. Phương trình và hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn

Bài 1: Giải các hệ phương trình sau:

- a) $\begin{cases} 4x - y = 7 \\ 5x + y = 2 \end{cases}$ b) $\begin{cases} 3x + y = 2 \\ 2x - y = 3 \end{cases}$ c) $\begin{cases} 4x + y = 3 \\ 2x - y = 1 \end{cases}$ d) $\begin{cases} 3x + y = 1 \\ x - 2y = 5 \end{cases}$

Bài 4: Giải các hệ phương trình sau:

$$a) \begin{cases} (x-1)(y+1) = xy + 4 \\ (x+2)(y-1) = xy - 10 \end{cases}$$

$$b) \begin{cases} (x+2)(y-5) = xy - 50 \\ (x+4)(y+4) = xy + 216 \end{cases}$$

Dạng 3. Giải bài toán bằng cách lập phương trình hoặc hệ phương trình

Bài 1: Một ô tô đi từ A đến B với vận tốc và thời gian quy định. Nếu tăng vận tốc 10km/h thì xe đến B sớm hơn quy định 2 giờ. Nếu giảm vận tốc 10km/h thì xe đến B chậm hơn quy định 3 giờ. Tính quãng đường AB.

Bài 2. Một ô tô và một xe máy cùng khởi hành từ A để đi đến B với vận tốc của mỗi xe không đổi trên toàn bộ quãng đường AB dài 120 km. Do vận tốc xe ô tô lớn hơn vận tốc xe máy là 10 km/h nên xe ô tô đến B sớm hơn xe máy 36 phút. Tính vận tốc của mỗi xe.

Bài 3. Một ca nô chạy với vận tốc không đổi trên một khúc sông dài 30 km, cả đi và về hết 4 giờ. Tính vận tốc của ca nô khi nước yên lặng, biết vận tốc của dòng nước là 4 km/h.

Bài 4: Một ca nô chạy trên sông trong 8 giờ, xuôi dòng 81 km và ngược dòng 105 km. Một lần khác cũng chạy trên khúc sông đó ca nô chạy trong 4 giờ, xuôi dòng 54 km và ngược dòng 42 km. Tính vận tốc khi xuôi dòng và ngược dòng của ca nô, biết rằng vận tốc dòng nước và vận tốc riêng của ca nô là không đổi.

Bài 5.

Theo kế hoạch, một xưởng may phải may xong 360 bộ quần áo trong một thời gian quy định. Đến khi thực hiện, mỗi ngày xưởng đã may được nhiều hơn 4 bộ quần áo so với số bộ quần áo phải may trong một ngày theo kế hoạch. Vì thế xưởng đã hoàn thành kế hoạch trước 1 ngày. Hỏi theo kế hoạch, mỗi ngày xưởng phải may bao nhiêu bộ quần áo?

Bài 6: :

Theo kế hoạch, một tổ công nhân phải làm một số sản phẩm trong một thời gian nhất định. Nếu mỗi ngày họ làm được nhiều hơn 5 sản phẩm so với dự định thì sẽ hoàn thành trước kế hoạch 4 ngày. Nếu mỗi ngày họ làm ít đi 5 sản phẩm so với dự định thì sẽ hoàn thành kế hoạch chậm hơn thời hạn 5 ngày. Tính thời gian và số sản phẩm phải làm theo kế hoạch

Bài 7: Tháng thứ nhất hai tổ sản xuất được 500 sản phẩm. Sang tháng thứ hai, do cải tiến kĩ thuật, tổ 1 làm vượt mức 10%, tổ 2 làm vượt mức 15% so với tháng thứ nhất. Vì vậy, tháng thứ hai cả hai tổ đã làm được 564 sản phẩm. Hỏi trong tháng thứ nhất mỗi tổ sản xuất được bao nhiêu sản phẩm?

Bài 8. Cho một hình chữ nhật. Nếu tăng độ dài mỗi cạnh của nó lên 1 cm thì diện tích của hình chữ nhật sẽ tăng thêm 13 cm². Nếu giảm chiều dài đi 2 cm, chiều rộng đi 1 cm thì diện tích hình chữ nhật sẽ giảm 15 cm². Tính chiều dài và chiều rộng của hình chữ nhật đã cho.

Bài 9: Một mảnh vườn hình chữ nhật có độ dài đường chéo là 13m và chiều dài lớn hơn chiều rộng 7m. Tính chiều dài, chiều rộng của mảnh đất đó.

Bài 10. Hai vòi nước cùng chảy vào bể thì sau 4 giờ 48 phút đầy bể. Nếu vòi một chảy trong 4 giờ, vòi hai chảy trong 3 giờ thì cả hai vòi chảy được $\frac{3}{4}$ bể. Tính thời gian mỗi vòi chảy đầy bể.

Bài 11. Bác Xuân đến siêu thị mua một máy hút ẩm và một cái quạt cây với tổng số tiền theo giá niêm yết là 9 triệu đồng. Tuy nhiên do siêu thị khuyến mại để tri ân khách hàng nên giá của máy hút ẩm và quạt cây đã lần lượt được giảm 20% và 10% so với giá niêm yết. Do đó bác Xuân đã được giảm 1,6 triệu đồng khi mua hai sản phẩm trên. Hỏi giá niêm yết của máy hút ẩm, quạt cây là bao nhiêu?

B. HÌNH HỌC.

Bài 1: Tính:

- a) $A = \sin 30^\circ + \cos 60^\circ$. b) $B = \cos^2 60^\circ + \cos^2 30^\circ$.
c) $A = \tan 60^\circ + \cot 60^\circ$. d) $B = \sin 30^\circ + \cot 45^\circ + \cos^2 45^\circ$.

Bài 2: Tính: a, $A = \frac{\sin 32^\circ}{\cos 58^\circ}$. b, $B = \tan 76^\circ - \cot 14^\circ$. c, $A = \frac{\sin 25^\circ}{\cos 65^\circ}$. d, $B = \tan 58^\circ - \cot 32^\circ$.

Bài 3: Không dùng máy tính hoặc bảng số, tính nhanh giá trị các biểu thức sau:

- a) $M = \cos^2 15^\circ + \cos^2 25^\circ + \cos^2 35^\circ + \cos^2 45^\circ + \cos^2 55^\circ + \cos^2 65^\circ + \cos^2 75^\circ$.
b) $N = \sin^2 10^\circ - \sin^2 20^\circ + \sin^2 30^\circ - \sin^2 40^\circ - \sin^2 50^\circ - \sin^2 70^\circ + \sin^2 80^\circ$.

Bài 4: Cho tam giác ABC vuông tại A biết $AB = 6\text{cm}$, $BC = 10\text{cm}$, đường cao AH . Gọi E, F là hình chiếu của H lần lượt lên AB và AC .

- a) Tính EF . b) Chứng minh rằng $AE \cdot AB = AF \cdot AC$.
c) Tính $A = \sin^2 B + \sin^2 C - \tan B \cdot \tan C$.

Bài 5: Cho $\triangle ABC$ vuông tại A có $AB < AC$. Kẻ $AH \perp BC$ tại H .

- a) Cho biết $AB = 3\text{cm}$, $BC = 6\text{cm}$. Tính BH và góc B .

- b) Qua B kẻ đường thẳng song song với AH cắt CA tại K . Chứng minh: $BK^2 = KA \cdot KC$.

- c) Vẽ $AM \perp BK$ tại M . Chứng minh rằng $\triangle BMH$ đồng dạng $\triangle BCK$ và $\frac{S_{BMH}}{S_{BCK}} = \sin^2 K \cdot \sin^2 C$

(Với S_{BMH} và S_{BCK} là diện tích của $\triangle BMH$ và $\triangle BCK$).

Bài 6. Cho hình chữ nhật $ABCD$ có $AB = 9\text{cm}$, $BC = 12\text{cm}$.

- a) Chứng minh bốn điểm A, B, C, D cùng nằm trên một đường tròn.
b) Tính bán kính đường tròn đó.

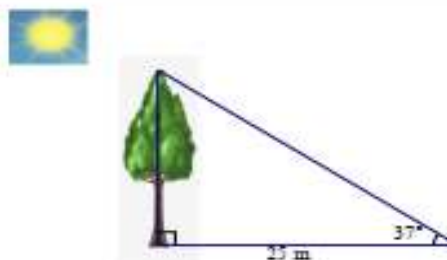
Bài 7. Cho tam giác đều $\triangle ABC$ cạnh bằng a , các đường cao BM, CN . Gọi O là trung điểm của BC

- a) Chứng minh rằng B, C, M, N cùng thuộc đường tròn (O) .
b) Gọi G là giao điểm của BM và CN . Chứng minh điểm G nằm trong, điểm A nằm ngoài đối với đường tròn đường kính BC .

Bài 8: Từ đỉnh một ngọn hải đăng cao 142 m so với mặt nước biển, người ta nhìn thấy một hòn đảo dưới một góc 36° so với đường nằm ngang chân hải đăng. Hỏi khoảng cách từ đảo đến chân hải đăng là bao nhiêu m.



Bài 9: Một cái cây có bóng trên mặt đất dài 25 m. Cho biết tia nắng qua ngọn cây nghiêng một góc 37° so với mặt đất. Tính chiều cao của cây (làm tròn kết quả đến chữ số phần mười).



MÔN HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM HƯỚNG NGHIỆP

Phần 1. Nội dung kiến thức cần ôn tập:

Chủ đề 1: Em với nhà trường

- Xây dựng tình bạn đẹp – Nói không với bạo lực học đường
- Tôn trọng sự khác biệt và sống hài hòa với bạn bè, thầy cô
- Phòng chống bắt nạt học đường
- Phòng chống tai nạn thương tích, cháy nổ – Kỹ năng thoát hiểm
- An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai
- Xây dựng truyền thống nhà trường và lập kế hoạch lao động công ích
- Tổ chức triển lãm sản phẩm đóng góp xây dựng truyền thống nhà trường
- Vui hội trăng rằm – Hoạt động tập thể gắn kết, rèn kỹ năng hợp tác

Chủ đề 2: Khám phá bản thân

- Nhận diện điểm tích cực và chưa tích cực trong hành vi giao tiếp, ứng xử của bản thân
- Rèn luyện khả năng thích nghi với những thay đổi trong cuộc sống (Tích hợp *Thanh lịch – Văn minh*: Tác phong của người Hà Nội)
- Thực hiện có trách nhiệm với nhiệm vụ được giao
- Phòng chống tác hại của thuốc lá và thuốc lá điện tử trong trường học
- Tôn vinh phụ nữ Việt Nam 20/10 – Biết tri ân, thể hiện cảm xúc tích cực

Phần 2. Hình thức ra đề: 100% tự luận

Phần 3. Một số câu hỏi ôn tập:

Câu 1: Theo em, tình bạn đẹp được thể hiện như thế nào? Em đã làm gì để giữ gìn tình bạn ấy và tránh những hành vi bạo lực trong học đường?

Câu 2: Hãy trình bày hiểu biết của em về “tôn trọng sự khác biệt”? Hãy nêu ví dụ thể hiện hành vi tôn trọng sự khác biệt trong lớp học.

Câu 3: Nêu những việc cần làm để phòng tránh tai nạn thương tích và cháy nổ trong trường học.

Câu 4: Thế nào là “khả năng thích nghi”? Hãy kể một thay đổi trong cuộc sống mà em đã cố gắng thích nghi.

Câu 5: Nêu ý nghĩa của ngày 20/10 và chia sẻ những việc em đã làm để bày tỏ lòng biết ơn với những người phụ nữ quanh mình?

Câu 6: Những nét đẹp nào làm nên hình ảnh người Hà Nội thanh lịch, văn minh? Em đã thể hiện điều đó trong cuộc sống hằng ngày như thế nào?

MÔN GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG

I. Nội dung:

- Chủ đề 1: Lịch sử Hà Nội từ 1918 đến nay
- + Phong trào yêu nước và cách mạng ở Hà Nội từ 1918-1945
- + Hà Nội củng cố chính quyền, kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ (1945 – 1975)

II. Câu hỏi tham khảo ôn tập.

Em hãy trả lời các câu hỏi sau đây:

Câu 1: Trình bày bối cảnh dẫn đến phong trào yêu nước và cách mạng ở Hà Nội từ 1918-1930?

Câu 2: Em có nhận xét gì phong trào yêu nước ở Hà Nội trong những năm 1918-1930?

Câu 3: Em hãy cho biết Hà Nội đã có những đóng góp gì vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở nước ta giai đoạn 1930-1945?

Câu 4: Trình bày những sự kiện tiêu biểu tại Hà Nội sau Cách mạng tháng Tám đến trước ngày toàn quốc kháng chiến?

Câu 5: Trình bày những sự kiện tiêu biểu tại Hà Nội trong thời kì kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1975)?

Nơi nhận:

- GVCN khối 9;
- Lưu.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Hải Vân